

Số: 58 /2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý,

khai thác được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền thuê để làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc;

b) Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đáp ứng các tiêu chí để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Luật Hợp tác xã, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã thuê để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

Điều 3. Chính sách miễn, giảm tiền thuê nhà

1. Miễn tiền thuê nhà của cả thời hạn thuê nhà đối với đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này; việc tiếp tục áp dụng chính sách miễn khi gia hạn hợp đồng thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP và điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

2. Giảm tiền thuê nhà với đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định này và thuộc trường hợp miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (thời gian giảm tương ứng với thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp thời gian thuê nhà theo hợp đồng dài hơn thời gian miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật thì phần thời gian còn lại áp dụng theo khoản 3 Điều này);

Số tiền giảm bằng 100% tiền thuê đất trong cơ cấu đơn giá cho thuê nhà tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP; trường hợp không thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP thì xác định giảm 100% tiền thuê đất trong cơ cấu đơn giá thuê nhà theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

3. Giảm tiền thuê nhà với đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định này (thời gian giảm được tính cho toàn thời gian thuê nhà theo hợp đồng trừ thời gian đã được giảm theo khoản 2 Điều này);

Số tiền giảm bằng 50% tiền thuê đất trong cơ cấu đơn giá cho thuê nhà tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP; trường hợp không thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP thì xác định giảm 50% tiền thuê đất trong cơ cấu đơn giá thuê nhà theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

4. Trường hợp một đối tượng thuộc nhiều mức miễn, giảm quy định tại Điều này hoặc đã được giảm tiền thuê nhà theo quy định của Chính phủ thì chỉ được áp dụng một mức cao nhất, không cộng dồn.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường

Theo phạm vi quản lý, tổ chức theo dõi, đánh giá việc thực hiện và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất

a) Công khai, minh bạch các thông tin về: Danh mục đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê nhà; trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời hạn giải quyết; danh sách các đối tượng đã được duyệt hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê nhà và mức ưu đãi cụ thể;

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhà, đất của bên thuê, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm. Trường hợp trong quá trình thuê, phát hiện đối tượng thuê không còn đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thì thôi áp dụng chính sách kể từ thời điểm không đủ điều kiện được hưởng ưu đãi;

c) Khi gia hạn hợp đồng thuê nhà, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà phải xem xét, đánh giá lại hoạt động của đối tượng được ưu đãi đảm bảo đúng mục đích sử dụng làm cơ sở quyết định tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung và thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác của cấp có thẩm quyền hoặc hết hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và tổ chức được nhà nước cho thuê nhà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVTH, Trung tâm TT-HN tỉnh;
- Lưu: VT, TH (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Tuấn Hùng